TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2017
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C-TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò
2. Ông Nguyễn Hải Minh

-***Thư ký phiên toà***: Bà Đỗ Thị Thảo - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện C - Tỉnh Phú Thọ.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Ngọc Hiển- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở UBND thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Toà án nhân dân huyện C -tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai- lưu động vụ án dân sự thụ lý số 145/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Gia N- sinh năm: 1990; cư trú tại: Khu 06, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Hà Văn V- sinh năm: 1988; cư trú tại: Khu 06, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 19/7/2017 và lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn là chị Trần Gia N trình bày: Chị và anh Hà Văn V kết hôn với nhau ngày 10/01/2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở riêng tại xã T và làm ruộng. Qúa trình chung sống, vợ chồng tình cảm hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khi chị đi làm thuê ở xa (Xuất khẩu

lao động tại Đài Loan từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 10 năm 2016 thì về nước) vợ chồng không hiểu và không tin tưởng nhau nhau nên xảy ra nhiều bất đồng. Khi chị N về Việt Nam, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, anh V có nhiều lời lẽ súc phạm, không tôn trọng chị. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần, nhưng không đạt kết quả. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hà Văn V.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2017, bị đơn là anh Hà Văn V trình bày: Anh xác định về thời gian kết hôn, quá trình chung sống đúng như lời trình bày trên của chị N. Theo anh V, vợ chồng thỉnh thoảng có nói cãi nhau nhưng không trầm trọng. Anh V xác định vẫn còn tình cảm yêu thương chị N và muốn con chung được cả bố, mẹ nuôi dưỡng, nên anh V không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Hai bên đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Hà Bảo P- sinh ngày 06/12/2012 và Hà Phạm Nhật L - sinh ngày: 01/01/2017. Nếu ly hôn, chị N và anh V thống nhất thỏa thuận là chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phạm Nhật L, anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Bảo P, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Gia N được ly hôn anh Hà Văn V.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con như sau: chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phạm Nhật L, anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Bảo P, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

- Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Gia N và anh Hà Văn V bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh kể từ khi chị N kết thúc xuất khẩu lao động tại Đài Loan, trở về địa phương sinh sống (tháng 10/2016). Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, dẫn tới vợ chồng thường nói cãi nhau. Chị N đã nhiều lần viết đơn ly hôn, nhưng thấy anh V không đồng ý ký và do chưa hiểu biết pháp luật, nên chị N không đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả và từ khoảng tháng 5/2017 đến nay, vợ chồng không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người phụ nữ đồng thời tránh sự ràng buộc không có lợi cho cả hai bên. Anh V xin đoàn tụ nhưng thực tế trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh V không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, nên yêu cầu của anh V không có căn cứ chấp nhận.

2. Về con chung: Thỏa thuận của chị N và anh V về việc nuôi con chung như đã nêu trên là phù hợp với điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con của mỗi bên và phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Hai bên đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Gia N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227;

Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Gia N được ly hôn anh Hà Văn V.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Chị Trần Gia N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Phạm Nhật L- sinh ngày 01/01/2017, anh Hà Văn V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Bảo P- sinh ngày 06/12/2012 kể từ tháng 9/2017 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Trần Gia N và anh Hà Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con, vì không yêu cầu.

Chị Trần Gia N, anh Hà Văn V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Gia N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002561 ngày 15/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện C ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà